

Bản án số: 161/2021/HN&GD-ST

Ngày 09/6/2021.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân.

Ông Hoàng Ngọc Năm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị L, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, bản tự khai ngày 22/3/2021, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Phùng Thị L như sau:

Tôi kết hôn với anh H vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã P cấp. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng sống bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H đánh đập tôi nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng; tôi đã phải về bên ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Văn H.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Huy K, sinh ngày 04/02/2014, hiện nay đang ở với chị L, nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tài sản vợ chồng tôi không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn H như sau: Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trương Văn H1 (là bố đẻ anh H) và ông H1 đã cam đoan có trách nhiệm giao lại cho anh H. Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của ông Trương Văn H1: Tôi là bố đẻ của anh Trương Văn H; năm 2010 anh H kết hôn với chị Phùng Thị L người cùng xã; sau khi cưới vợ chồng ở chung cùng với ông bà tôi cho đến khi sinh cháu K thì vợ chồng ăn riêng, ở khu nhà dưới của vợ chồng tôi.

Việc vợ chồng anh H, chị L mâu thuẫn như thế nào tôi không biết, chỉ biết từ năm 2018 chị L tự bỏ về bên ngoại ở. Hiện nay anh H đi làm ăn tự do, nay đây mai đó, không có địa chỉ cụ thể, nhưng anh H thường xuyên liên lạc về với gia đình tôi qua điện thoại. Gia đình tôi nhận được các Thông báo của Tòa án triệu tập anh H lên làm việc, nhưng anh H không có nhà. Việc chị L làm đơn ly hôn, anh H cũng biết nhưng anh H bận không về được, nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vợ chồng anh H, chị L có 01 con chung là cháu Trương Huy K, sinh ngày 04/02/2014, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu K ở với chị L, nhưng thỉnh thoảng chị L cũng đem con lên chơi với ông bà tôi. Về tài sản vợ chồng anh H, chị L không có tài sản gì. Do anh H bận đi làm ăn không về được nên tôi sẽ trực tiếp nhận các giấy tờ của Tòa án và tôi có trách nhiệm thông báo và giao cho anh H.

Theo biên bản làm việc về tình trạng hôn nhân ngày 23/4/2021 với Ủy ban nhân dân xã P: Anh Trương Văn H hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương, theo sổ hộ khẩu quyền số 421 cấp năm 2014, chủ hộ là Trương Văn H, vợ là Phùng Thị L, con là Trương Huy K. Hiện nay đang có khẩu tại địa phương, anh H đi làm ăn tự do nên không có xin tạm vắng tại Công an xã. Anh Trương Văn H kết hôn với chị Phùng Thị L năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P số 31 ngày 10/5/2010. Sau khi cưới anh chị vẫn làm ăn tại địa phương,

thời gian gần đây anh H đi làm ăn không có nhà. Anh H và chị L có 01 con chung, hiện nay cháu đang ở với chị L. Việc chị L ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Phùng Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn H và đề nghị được nuôi con, nuôi cháu Trương Huy K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản và công nợ không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị L; cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Trương Văn H; về con công nhận chị L và anh H có 01 con chung là Trương Huy K, sinh ngày 04/02/2014, ly hôn giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu K, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn H có địa chỉ ở thôn H, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, giao các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trương Văn H1 (là bố đẻ anh H) và ông H1 đã cam đoan có trách nhiệm giao lại cho anh H nhưng anh H vắng mặt; chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; anh H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Trương Văn H tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng sống bình thường được một thời gian, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là do anh H đánh đập chị nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; chị L đã phải về bên ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay và thời gian qua các bên cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại Tòa án, anh cũng không có ý kiến gì về việc hôn nhân này, như vậy anh cũng như bỏ mặc việc giải quyết ly hôn tại Tòa án, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí đoàn tụ, không thể hiện sự mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Theo ý kiến ngày 15/4/2021 của ông Nguyễn Văn H1 (bố anh H) thì vợ chồng anh H, chị L ở cùng với ông bà, năm 2018 chị L tự bỏ về bên ngoại ở. Khi Tòa án báo anh H đến làm việc, anh H không có nhà, ông H1 đã thông báo cho anh H biết nhưng anh H không về, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Phùng Thị L và anh Trương Văn H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về con: Chị Phùng Thị L và anh Trương Văn H có một con chung tên Trương Huy K, sinh ngày 04/02/2014, hiện đang sinh sống cùng chị L, chị L yêu cầu xem xét cho chị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2021 của cháu Trương Huy K thể hiện nguyện vọng của cháu là bố mẹ ly hôn được ở với mẹ L. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu K do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và xem xét nguyện vọng của cháu K. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh H, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, do bị đơn anh H vắng mặt nên dành quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp theo quy định của pháp luật dân sự.

[3] Án phí: Chị Phùng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị L được ly hôn anh Trương Văn H.

2. Về con: Chị Phùng Thị L và anh Trương Văn H có 01 con chung là Trương Huy K, sinh ngày 04/02/2014. Giao cho chị Phùng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Huy K; anh Trương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thị L không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Phùng Thị L không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị Phùng Thị L chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0010318 ngày 17/3/2021 (Chị Phùng Thị L đã thi hành xong).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng